

Số: 51/2016/KSA

V/v CBTT BCTC riêng Quý III/2016

Bình Thuận, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Mã chứng khoán: **KSA**

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Điện thoại:

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Kiên Cường**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý III/2016 Công ty mẹ như sau:

- Kết quả kinh doanh Quý III/2015:

+ Doanh thu: 5.224.500.000 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 149.100.351 đồng

- Kết quả kinh doanh Quý III/2016:

+ Doanh thu: 23.029.300.000 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 144.190.314 đồng

Các thông tin trên đã được Chúng tôi đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/10/2016 tại địa chỉ:

http://ksa.com.vn/Bao_cao_tai_chinh-13-2-2762

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;

- Lưu VP;

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRẦN KIÊN CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính quý III kết thúc ngày 30/09/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		820,966,393,427	710,384,617,439
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		528,795,917	151,284,813,911
1. Tiền	111	V.01	528,795,917	151,284,813,911
H. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		806,708,957,375	546,379,735,361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	192,504,058,620	73,374,007,663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	406,088,452,277	404,888,452,277
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9,285,000,000	22,885,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	199,808,216,174	46,389,847,588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(976,769,696)	(1,157,572,167)
IV. Hàng tồn kho	140		2,259,725,440	1,024,689,000
1. Hàng tồn kho	141	V.05	2,259,725,440	1,024,689,000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,468,914,695	11,695,379,167
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,468,914,695	11,695,379,167
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		369,386,188,827	370,036,090,194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		146,000,000	146,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	146,000,000	146,000,000
II. Tài sản cố định	220		108,701,299,276	109,351,200,643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3,349,099,276	3,999,000,643
- Nguyên giá	222		8,902,446,358	8,902,446,358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,553,347,082)	(4,903,445,715)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	105,352,200,000	105,352,200,000
- Nguyên giá	228		105,352,200,000	105,352,200,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22,013,098,283	22,013,098,283
2. Chi phí xây dựng dở dang	242		22,013,098,283	22,013,098,283
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	238,525,791,268	238,525,791,268
1. Đầu tư vào công ty con	251		238,525,791,268	238,525,791,268
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,190,352,582,254	1,080,420,707,633

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính quý III kết thúc ngày 30/09/2016

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		200,695,446,394	119,967,863,255
I. Nợ ngắn hạn	310		130,246,639,121	55,787,935,982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09a	123,247,355,367	41,386,072,085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	46,052,359	7,981,019,553
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4,432,311,110	3,912,651,332
4. Phải trả người lao động	314		0	60,000,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72,727,273	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2,387,633,360	2,387,633,360
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		60,559,652	60,559,652
II. Nợ dài hạn	330		70,448,807,273	64,179,927,273
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.09b	34,307,807,273	62,921,927,273
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		36,141,000,000	1,258,000,000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		989,657,135,860	960,452,844,378
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	989,657,135,860	960,452,844,378
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		934,273,578,000	934,273,578,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		934,273,578,000	934,273,578,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849,189,834	849,189,834
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283,063,278	283,063,278
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,125,652,374	25,047,013,266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,047,013,266	25,047,013,266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,078,639,108	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,190,352,582,254	1,080,420,707,633

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT

TRẦN KIÊN CƯỜNG

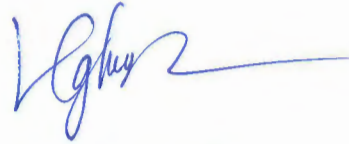
PHẠM THỊ HINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2016	Quý III/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.14	23,029,300,000	5,224,500,000	182,281,270,395	26,131,844,614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23,029,300,000	5,224,500,000	182,281,270,395	26,131,844,614
4. Giá vốn hàng bán	11	V.15	22,537,600,000	5,036,000,000	178,455,826,495	25,607,788,010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		491,700,000	188,500,000	3,825,443,900	524,056,604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.16	27,106,546	136,012,536	53,683,117	1,974,748,526
7. Chi phí tài chính	22	V.17				0
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0	0		0
8. Chi phí bán hàng	24		0	23,500,618		78,201,436
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		338,568,653	114,636,479	1,280,828,131	1,490,274,222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		180,237,893	186,375,439	2,598,298,886	930,329,472
11. Thu nhập khác	31	V.18				0
12. Chi phí khác	32	V.19				517,480,263
13. Lợi nhuận khác	40		0	0	0	(517,480,263)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		180,237,893	186,375,439	2,598,298,886	412,849,209
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	36,047,579	37,275,088	519,659,778	82,569,842
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		144,190,314	149,100,351	2,078,639,108	330,279,367
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0		

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng



TRẦN KIÊN CƯỜNG

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

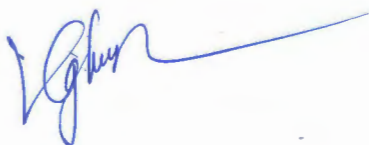
Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	180,237,893	226,473,770
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	649,901,367	493,267,578
- Các khoản dự phòng	03	(180,802,471)	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26,576,571)	(1,838,735,990)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	622,760,218	(1,118,994,642)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(245,394,289,283)	32,296,174,454
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1,235,036,440)	0
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu nhập phải nộp)	11	45,360,970,940	(81,978,926,214)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(4,607,475,968)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	0	(14,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kd	20	(200,645,594,565)	(55,423,222,370)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24	13,600,000,000	5,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	45,885,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,576,571	13,971,990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13,626,576,571	50,898,971,990
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	36,263,000,000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36,263,000,000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(150,756,017,994)	(4,524,250,380)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	151,284,813,911	4,730,869,903
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	528,795,917	206,619,523

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT


Kế toán trưởng



TRẦN KIÊN CƯỜNG

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 04 năm 2010. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

Trụ sở chính của Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 934.273.600.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

3. Ngành, nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành nghề
1	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
2	- Khai thác cát đá, sỏi, đất sét;
3	- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
4	- Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan
5	- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình;
6	- Gia công cơ khí, xử lý và tráng kim loại;
7	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
8	- Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động;
9	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
10	Bán buôn thực phẩm
11	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

4. Thông tin về các công ty con

STT	Tên Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	90%	90%
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty đánh giá không có khoản công nợ phải thu nào cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Các tài sản khác	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	x	Vốn đầu tư của doanh nghiệp
						Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

Thuế suất thuế TNDN năm 2016 là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

43. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền	Tại 30/09/2016		Tại 01/01/2016	
- Tiền mặt	215,524,985		9,681,377,071	
- Tiền gửi ngân hàng	313,270,932		141,603,436,840	
Cộng	528,795,917		151,284,813,911	
02. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<i>a, Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	82,341,323,185		33,868,466,885	
- Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	80,613,706,582		3,541,400,282	
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	341,550,000		28,941,000,000	
- Khách hàng khác	1,386,066,603		1,386,066,603	
<i>b, Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	0		0	
<i>c, Phải thu của khách hàng là bên liên quan</i>	84,830,505,435		39,505,540,778	
- Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	74,645,599,045		29,838,717,194	
- Công ty CP Khai thác và chế biến Khoáng sản Yên Bái	1,718,082,806		0	
- Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	8,466,823,584		9,666,823,584	
Cộng	167,171,828,620		73,374,007,663	
03. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<i>a, Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	390.088.452.277		388.888.452.277	
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	80.400.000.000		80.400.000.000	
- Ứng trước thi công xây dựng nhà máy Titan	300.000.000.000		300.000.000.000	
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	80.000.000.000		80.000.000.000	
+ Công ty TNHH Hạnh Vân	70.000.000.000		70.000.000.000	
+ Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	150.000.000.000		150.000.000.000	
KEEN STEP SHIPPING LTD	2.145.000.000		2.145.000.000	
- Các đối tượng khác	7.543.452.277		6.343.452.277	
<i>b, Trả trước cho người bán dài hạn</i>	0		0	
<i>c, Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	16.000.000.000		16.000.000.000	
- Công ty TNHH Năng Lượng Xanh KSA	16.000.000.000		16.000.000.000	
Cộng	406.088.452.277		404.888.452.277	
04. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	79.896.112.674 283.736.395		46.389.847.588 741.752.187	
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	1.036.464.000	0	1.036.464.000	0
- Tạm ứng	77.000.000.000	0	40.315.568.248	0
- Ký cược, ký quỹ;	19.220.000	0	19.220.000	0
- Phải thu khác.	1.840.428.674	283.736.395	5.018.595.340	741.752.187
+ Lê Thị Phương Dung	0	0	3.178.166.666	539.083.333
+ Các đối tượng khác	1.840.428.674	283.736.395	1.840.428.674	202.668.854
<i>b) Dài hạn</i>	146.000.000 0		146.000.000 0	
- Ký cược, ký quỹ;	146.000.000	0	146.000.000	0
Cộng	80.042.112.674 283.736.395		46.535.847.588 741.752.187	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016***05. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	0	900.000.000	0
- Hàng hóa	1.359.725.440	0	124.689.000	0
Cộng	2.259.725.440	0	1.024.689.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	7,969,338,946	610,436,755	277,549,607	45,121,050	8,902,446,358
Số dư cuối kỳ	7,969,338,946	610,436,755	277,549,607	45,121,050	8,902,446,358
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3,970,338,303	610,436,755	277,549,607	45,121,050	4,903,445,715
- Khấu hao trong kỳ	649,901,367	0	0	0	649,901,367
Số dư cuối kỳ	4,620,239,670	610,436,755	277,549,607	45,121,050	5,553,347,082
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	3,999,000,643	0	0	0	3,999,000,643
- Tại ngày cuối kỳ	3,349,099,276	0	0	0	3,349,099,276

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Giá trị Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	105,352,200,000	0	0	0	105,352,200,000
Số dư cuối kỳ	105,352,200,000	0	0	0	105,352,200,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	0	0	0	0	0
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	105,352,200,000	0	0	0	105,352,200,000
- Tại ngày cuối kỳ	105,352,200,000	0	0	0	105,352,200,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

08. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	GT hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	GT hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	238.525.791.268	0	238.525.791.268	238.525.791.268	0	238.525.791.268
+ Công ty TNHH MTV Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận BTC (tỷ lệ sở hữu 100%)	174.104.379.725	0	174.104.379.725	174.104.379.725	0	174.104.379.725
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận (tỷ lệ sở hữu 100%)	33.614.295.178	0	33.614.295.178	33.614.295.178	0	33.614.295.178
+ Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA (tỷ lệ sở hữu 88%)	30.807.116.365	0	30.807.116.365	30.807.116.365	0	30.807.116.365
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	0	0	0	0	0	0
- Đầu tư vào đơn vị khác;	0	0	0	0	0	0

09. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	150,719,684,241	150,719,684,241	41,386,072,085	41,386,072,085
- Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	16,011,994,426	16,011,994,426	16,011,994,426	16,011,994,426
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	285,816,000	285,816,000	0	0
- Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	84,136,193,861	84,136,193,861	19,830,313,950	19,830,313,950
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi	1,505,500,000	1,505,500,000	1,505,500,000	1,505,500,000
- Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	46,985,786,000	46,985,786,000	0	0
- Công ty TNHH TM DV Đại Việt	1,419,233,604	1,419,233,604	3,395,023,359	3,395,023,359
- Các đối tượng khác	375,160,350	375,160,350	643,240,350	643,240,350

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

b) Phải trả người bán dài hạn	34,307,807,273	34,307,807,273	62,921,927,273	62,921,927,273
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ	34,307,807,273	34,307,807,273	62,921,927,273	62,921,927,273
Cộng	185,027,491,514	185,027,491,514	104,307,999,358	104,307,999,358

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a, Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.815.271.191	519.659.778	0	3.334.930.969
- Thuế thu nhập cá nhân	963.856.382	0	0	963.856.382
- Thuế khác	133.523.759	0	0	133.523.759
Cộng	3.912.651.332	519.659.778	0	4.432.311.110
b, Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**a, Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cơ quan Bảo hiểm xã hội	2.387.633.360	2.387.633.360
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	0	0
- Phải trả khác	1.377.633.360	1.377.633.360
	1.010.000.000	1.010.000.000

b, Dài hạn

	0	0
Cộng	2.387.633.360	2.387.633.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

13. Vốn chủ sở hữu*a, Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu***CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	373.709.418.000	849.189.834	283.063.278	23.567.885.397	398.409.556.509
- Tăng vốn trong năm trước	560.564.160.000	0	0	0	560.564.160.000
- Lãi trong năm trước	0	0	0	1.479.127.869	1.479.127.869
Số dư đầu năm	934.273.578.000	849.189.834	283.063.278	25.047.013.266	960.452.844.378
- Lãi trong kỳ này	0	0	0	1.934.448.795	1.934.448.795
Số dư cuối kỳ này	934.273.578.000	849.189.834	283.063.278	26.981.462.060	962.387.293.172

14. Vốn chủ sở hữu*a, Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu***CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	395,489,851,286	849,189,834	283,063,278	54,621,330,174
- Tăng vốn trong năm trước	33,973,150,000	0	0	0
- Lãi trong năm trước	2,919,705,223	0	0	0
- Giảm khác	(33,973,150,000)	0	0	0
Số dư đầu năm nay	398,409,556,509	849,189,834	283,063,278	54,621,330,174
- Tăng vốn trong năm nay	560,564,160,000	0	0	0
- Lãi trong năm nay	2,078,639,108	0	0	2,078,639,108
Số dư cuối năm nay	960,050,748,428	849,189,834	283,063,278	55,698,362,093

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

	<i>Quý III/2016</i>	<i>Quý III/2015</i>
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Doanh thu</i>	23,029,300,000	5,224,500,000
- Doanh thu cung cấp bán hàng	23,029,300,000	5,224,500,000
Cộng	23,029,300,000	5,224,500,000
02. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng đã bán	22,537,600,000	5,036,000,000
Cộng	22,537,600,000	5,036,000,000
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27,106,546	136,012,536
- Các khoản khác	0	
Cộng	27,106,546	136,012,536
04. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	0	0
Cộng	0	0
05. Thu nhập khác		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	0	0
Cộng	0	0
06. Chi phí khác		
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	0	0
- Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	0	
- Các khoản khác	0	0
Cộng	0	0
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	180,237,893	186,375,439
- Thu nhập miễn thuế	0	0
- Chi phí bị loại trừ khi tính thuế	0	
- Thu nhập chịu thuế	180,237,893	186,375,439
- Thuế TNDN phải nộp	36,047,579	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý III kết thúc ngày 30/09/2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Không

Lập ngày 25 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT

TRẦN KIÊN CƯỜNG

PHẠM THỊ HINH